TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST.
Ngày: 10/9/2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông **Lê Xuân Hiền**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Nguyễn Thị Liên** và bà **Hà Thị Thúy**

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Thắm** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Long** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2019/TLST-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A** – địa chỉ trụ sở chính: Số 198 TQK, phường LTT, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nghiêm Xuân Th** – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Th** – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh Hải Dương – địa chỉ: Số 66 đường NLB, phường BH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương *(văn bản ủy quyền số 308/UQ-VCB-PC ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần A)*;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Trọng T** – Phó trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh Hải Dương – địa chỉ: Số 66 đường NLB, phường BH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (văn bản ủy quyền số 798/UQ-VCB.KHDN ngày 24/6/2019 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh Hải Dương) - *(có mặt)*;

- Bị đơn: **Công ty Cổ phần xây dựng B** – địa chỉ: Tầng 1, VP6, khu đô thị mới TH – NC, phường NC, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Văn H** - Tổng Giám đốc *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày:

Công ty Cổ phần xây dựng B là khách hàng có khả năng về tài chính và trong nhiều năm là khách hàng có uy tín với Ngân hàng thương mại cổ phần A nên được phía ngân hàng nhiều lần cấp tín dụng không có bảo đảm cho phía công ty. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2010 đến ngày 17/3/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh Hải Dương *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng)* và Công ty Cổ phần xây dựng B *(sau đây gọi tắt là công ty)* đã giao kết nhiều hợp đồng tín dụng từng lần cụ thể như sau:

- Ngày 01/7/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100120/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 3.616.183.494 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 3.616.183.494 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 01/7/2010. Mục đích thanh toán tiền mua vật *tư (xi măng, gạch cát, đá, thép, bê tông...)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn cho vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 14%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty đã trả toàn bộ khoản tiền gốc và chỉ còn nợ ngân hàng số tiền lãi phạt quá hạn là 121.445.747 đồng.

- Ngày 07/7/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100127/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 2.514.860.083 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 2.514.860.083 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 07/7/2010. Mục đích thanh toán tiền nhân công, mua vật tư *(xi măng, cát, đá...)*, thuê máy và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn cho vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 14%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty đã trả toàn bộ khoản tiền gốc và chỉ còn nợ ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 1.129.517.442 đồng và lãi phạt quá hạn là 445.268.340 đồng.

- Ngày 12/7/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100129/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.976.437.695 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.976.437.695 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 12/7/2010. Mục đích thanh toán tiền mua vật tư *(gạch, xi măng, cát…)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn cho vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13,5%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty đã trả toàn bộ khoản tiền gốc và chỉ còn nợ ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 932.230.760 đồng và lãi phạt quá hạn là 366.567.703 đồng.

- Ngày 15/7/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100137/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.176.832.560 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.176.832.560 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 15/7/2010. Mục đích thanh toán tiền nhân công, mua vật tư *(đế cống, đá, dầu…)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn cho vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày Bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của Bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty đã trả toàn bộ khoản tiền gốc và chỉ còn nợ ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 555.079.228 đồng và lãi phạt quá hạn là 217.245.906 đồng.

- Ngày 21/7/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100139/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.623.161.014 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.623.161.014 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 21/7/2010. Mục đích Thanh toán tiền mua vật tư *(thép, đất, đế cống, dầu…)*, thuê máy và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi

suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty đã trả toàn bộ khoản tiền gốc và chỉ còn nợ ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 813.472.797 đồng và lãi phạt quá hạn là 316.326.470 đồng.

- Ngày 27/7/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100149/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 184.014.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 184.014.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 27/7/2010. Mục đích thanh toán tiền nhân công để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty đã trả toàn bộ khoản tiền gốc và chỉ còn nợ ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 97.264.397 đồng và lãi phạt quá hạn là 37.718.869 đồng.

- Ngày 30/7/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100156/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 2.342.098.700 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 2.342.098.700 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 30/7/2010. Mục đích thanh toán tiền mua vật tư *(cát, đá, xi măng…)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty đã trả toàn bộ khoản tiền gốc và chỉ còn nợ ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 1.452.367.941 đồng và lãi phạt quá hạn là 564.318.276 đồng.

- Ngày 12/8/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100169/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 2.837.797.678 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 2.837.797.678 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 12/8/2010. Mục đích thanh toán tiền mua vật tư *(cát, thép, xi măng, gạch, bê tông…)*, thuê máy và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh

theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của Bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.614.666.654 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.203.131.892 đồng và lãi phạt quá hạn là 852.496.407 đồng.

- Ngày 18/8/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100173/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.526.900.069 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.526.900.069 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 18/8/2010. Mục đích thanh toán tiền nhân công, vật tư *(đất, đá, ống thép…)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.526.900.069 đồng; số tiền lãi quá hạn là 1.341.687.091 đồng và lãi phạt quá hạn là 518.886.450 đồng.

- Ngày 26/8/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100191/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 531.682.059 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 531.682.059 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 26/8/2010. Mục đích thanh toán tiền vật tư *(đất, ván khuôn, ống thép…)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 531.682.059 đồng; số tiền lãi quá hạn là 467.189.025 đồng và lãi phạt quá hạn là 179.875.130 đồng.

- Ngày 09/9/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100209/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 793.346.505 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 793.346.505 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 09/9/2010. Mục đích thanh toán tiền vật tư *(xi măng,*

cát, đá, ống cống…) và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của Bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho Bên vay và Bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 793.346.505 đồng; số tiền lãi quá hạn là 697.113.574 đồng và lãi phạt quá hạn là 265.993.216 đồng.

- Ngày 17/9/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100222/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.278.588.960 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.278.588.960 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 17/9/2010. Mục đích thanh toán tiền nhân công, vật tư *(xi măng, thép, đất, đá…)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.278.588.960 đồng; số tiền lãi quá hạn là 1.123.886.799 đồng và lãi phạt quá hạn là 426.902.385 đồng.

- Ngày 23/9/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100225/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 3.334.337.256 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 3.334.337.256 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 23/9/2010. Mục đích thanh toán tiền nhân công, vật tư *(gạch, cát, đá, bê tông thép…)*, thuê máy và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 2.944.482.711 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.710.443.852 đồng và lãi phạt quá hạn là 1.020.047.121 đồng.

- Ngày 18/10/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100242/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.285.496.089 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.285.496.089 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 19/10/2010. Mục đích thanh toán tiền vật tư *(thép, xi măng, đá, ống cống...)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 12,5%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.285.496.089 đồng; số tiền lãi quá hạn là 1.129.565.414 đồng và lãi phạt quá hạn là 420.138.687 đồng.

- Ngày 22/10/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100250/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.160.753.230 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.160.753.230 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 22/10/2010. Mục đích thanh toán tiền nhân công, vật tư *(thép, cát, đá…)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 12,5%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.160.753.230 đồng; số tiền lãi quá hạn là 1.019.953.863 đồng và lãi phạt quá hạn là 378.614.489 đồng.

- Ngày 29/10/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100259/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.257.249.943 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.257.249.943 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 29/10/2010. Mục đích thanh toán tiền vật tư *(thép, cát, đá, xi măng…)*, thuê máy và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 12,5%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay

trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.257.249.943 đồng; số tiền lãi quá hạn là 1.104.745.525 đồng và lãi phạt quá hạn là 408.182.957 đồng.

- Ngày 10/11/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100272NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.088.015.267 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.088.015.267 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 10/11/2010. Mục đích thanh toán tiền nhân công, vật tư *(xi măng, trần ecophon…)*, thuê cừ, ép cừ và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 13,5%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.088.015.267 đồng; số tiền lãi quá hạn là 956.039.015 đồng và lãi phạt quá hạn là 349.938.350 đồng.

- Ngày 16/12/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100307/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 470.155.750 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 470.155.750 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 16/12/2010. Mục đích thanh toán tiền nhân công để thi công xây lắp công trình Trung tâm điều hành và thông tin Viễn thông điện lực Việt Nam *(EVN)* và nhân công khối văn phòng Công ty. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 16,8%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 470.155.750 đồng; số tiền lãi quá hạn là 413.125.857 đồng và lãi phạt quá hạn là 147.961.671 đồng.

- Ngày 21/12/2010, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 100309/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 790.464.911 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 790.464.911 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 21/12/2010. Mục đích thanh toán tiền vật tư *(thép, cát, đá, xi măng…)*, thuê máy và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn

đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 16,8%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 790.464.911 đồng; số tiền lãi quá hạn là 694.581.517 đồng và lãi phạt quá hạn là 248.140.110 đồng.

- Ngày 12/01/2011, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 110007/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.530.168.774 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.530.168.774 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 12/01/2011. Mục đích thanh toán tiền nhân công và vật tư *(trần ecophon, gạch, xi măng, ván khuôn dầm cầu)* để thi công xây lắp các công trình do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 16,8%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.530.168.774 đồng; số tiền lãi quá hạn là 1.344.559.301 đồng và lãi phạt quá hạn là 473.313.505 đồng.

- Ngày 24/01/2011, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 110026/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.698.008.429 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.698.008.429 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 24/01/2011. Mục đích thanh toán tiền nhân công và vật tư *(cát xi măng, gạch…)* và các chi phí hợp lý khác để thi công xây lắp công trình Trung tâm điều hành và thông tin viễn thông Điện lực Việt Nam – EVN. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 16,8%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.698.008.429 đồng; số tiền lãi quá hạn là 1.492.040.007 đồng và lãi phạt quá hạn là 522.022.505 đồng.

- Ngày 14/02/2011, trên cơ sở Công ty đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền 8.800.000.000 đồng, mục đích thanh toán tiền vật tư *(thép, cát, đá, xi măng...)*, thuê máy và các chi phí hợp lý khác để thi công xây dựng lắp gói thầu 02XL-CC công trình: Xây dựng kết cấu *"phần ngầm dưới cốt 0,00"* hai tòa nhà chung cư thuộc dự án khu nhà ở và dịch vụ công cộng Vinh Tâm. Ngân hàng và công ty đã ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 110049A/NHNTHD với nội dung Ngân hàng đồng ý cho công ty vay số tiền 8.800.000.000 đồng. Thực hiện nội dung Hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 3.699.365.734 đồng theo các giấy nhận nợ số 01 ngày 28/3/2011 và giấy nhận nợ số 02 ngày 06/4/2011. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 16,8%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả theo giấy nhận nợ lần 1 là 1.999.365.734 đồng, theo giấy nhận nợ lần 2 là 1.700.000.000 đồng (tổng gốc là 3.699.365.734 đồng); số tiền lãi quá hạn của khoản vay theo giấy nhận nợ lần 1 là 1.756.842.671 đồng, khoản vay theo giấy nhận nợ lần 2 là 1.493.790.000 đồng (tổng lãi quá hạn là 3.250.632.671 đồng) và lãi phạt quá hạn của khoản vay theo giấy nhận nợ lần 1 là 613.158.819 đồng, khoản vay theo giấy nhận nợ lần 2 là 518.781.444 đồng (tổng lãi phạt quá hạn là 1.131.940.263 đồng).

- Ngày 08/3/2011, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 110075/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 1.087.427.767 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 1.087.427.767 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 09/3/2011. Mục đích thanh toán tiền xi măng và kết cấu thép để thi công xây lắp công trình EVN do bên vay thi công. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 17%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 1.087.427.767 đồng; số tiền lãi quá hạn là 955.522.779 đồng và lãi phạt quá hạn là 324.861.796 đồng.

- Ngày 17/3/2011, Ngân hàng và công ty ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 110094/NHNTHD với nội dung Ngân hàng cho công ty vay số tiền 3.070.849.180 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty số tiền vay 3.070.849.180 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 18/3/2011. Mục đích thanh toán tiền cung cấp và lắp đặt hệ thống trần âm thanh ECOPHON, tiền lương CB

trong danh sách, lương tổ bê tông, tổ hoàn thiện, tổ mài trần tường sản lõi thang máy, tổ phục vụ, hợp đồng ngắn hạn thi công xây lắp công trình EVN do Bên vay thi công và tiền lương khối văn phòng Công ty. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là 17%/năm; được điều chỉnh theo thông báo lãi suất hoặc phê duyệt lãi suất cho vay của bên vay tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi suất cho vay có thể điều chỉnh lại phù hợp với lãi suất của thị trường hiện tại, nếu lãi suất trên thị trường biến động gây bất lợi nhiều cho bên vay và bên cho vay; lãi suất quá hạn là 140% lãi suất cho vay trong hạn và thời hạn trả lãi vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm, công ty còn nợ khoản tiền gốc chưa trả là 3.070.849.180 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.698.355.174 đồng và lãi phạt quá hạn là 912.175.277 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện:

1. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty Cổ phần xây dựng B như quan điểm tại phiên hòa giải ngày 21/8/2019, chỉ đề nghị Tòa án điều chỉnh số tiền lãi suất phát sinh tính từ ngày 21/8/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể: Công ty Cổ phần xây dựng B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A khoản tiền dư nợ gốc còn lại chưa trả theo các Hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần là **25.827.622.032** đồng *(Hai mươi lăm tỉ, tám trăm hai mươi bẩy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi hai đồng)*; tiền lãi phải trả tính đến hết ngày xét xử là **28.582.505.921** đồng *(Hai mươi tám tỉ, năm trăm tám mươi hai triệu, năm trăm linh năm nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng)*; tiền lãi phạt quá hạn tính đến hết ngày ngày xét xử là **10.650.381.631** đồng *(Mười tỉ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi mốt nghìn, sáu trăm ba mươi mốt đồng)*. Tổng cộng là **65.060.509.584** đồng *(Sáu mươi lăm tỉ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng)*.

2. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty Cổ phần xây dựng B như quan điểm tại phiên hòa giải ngày 21/8/2019 đó là: Công ty Cổ phần xây dựng B đồng ý tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ dư nợ gốc còn lại của các hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng nêu trên theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng và các giấy nhận nợ kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Công ty Cổ phần xây dựng B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của từng Hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần.

3. Đối với yêu cầu khởi kiện về nội dung: Trường hợp số tiền trả nợ của Công ty Cổ phần xây dựng B không đủ trả hết gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A thông qua chi nhánh Hải Dương có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần xây dựng B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Phía Nguyên đơn xác định đã được Tòa án giải

thích nhiều lần trong quá trình giải quyết vụ án nhưng phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu này và đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để xem xét yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

4. Về án phí: Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty Cổ phần xây dựng B như quan điểm tại phiên hòa giải ngày 21/8/2019, chỉ đề nghị Tòa án điều chỉnh số tiền án phí Công ty Cổ phần xây dựng B phải chịu thêm trên tổng số tiền lãi suất phát sinh từ ngày 21/8/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ông Đặng Văn H – Tổng giám đốc - là người đại diện theo pháp luật trình bày: Nội dung Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần xây dựng B giao kết các Hợp đồng tín dụng từng lần như đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần A đã trình bày tại phiên tòa là sự kiện có thật. Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ theo từng hợp đồng tín dụng từng lần, đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần xây dựng B xác định đúng số tiền đã đề nghị vay, đúng số tiền đã được ngân hàng cho vay, tình trạng các khoản nợ gốc còn lại cũng như lãi suất quá hạn, lãi suất phạt quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm như ngân hàng cung cấp là hoàn toàn đúng. Sau khi được giải ngân, Công ty Cổ phần xây dựng B đều sử dụng vốn vay đúng mục đích. Do điều kiện kinh doanh của công ty trong những năm qua đối tác nợ đọng vốn tại các công trình chưa được thanh quyết toán đầy đủ nên chưa trả được nợ gốc, lãi cho ngân hàng theo đúng nội dung các Hợp đồng tín dụng từng lần đã ký. Về phía công ty cũng đang cố gắng tìm mọi biện pháp để thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật cho Công ty Cổ phần xây dựng B, ông Đặng Văn H xác định:

1. Đồng ý và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty Cổ phần xây dựng B như quan điểm tại phiên hòa giải ngày 21/8/2019 về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đồng ý đề nghị Tòa án điều chỉnh số tiền lãi suất phát sinh từ ngày 21/8/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể: Công ty Cổ phần xây dựng B sẽ thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A khoản tiền dư nợ gốc còn lại chưa trả theo các Hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần, cùng tổng số tiền lãi suất quá hạn, lãi suất phạt quá hạn sau khi đã điều chỉnh tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2019) là **65.060.509.584** đồng *(Sáu mươi lăm tỉ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng)*.

2. Đồng ý và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty Cổ phần xây dựng B như quan điểm tại phiên hòa giải ngày 21/8/2019 đó là: Công ty Cổ phần xây dựng B đồng ý tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ dư nợ gốc còn lại của các hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng nêu trên theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng và các giấy nhận nợ kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi

Công ty Cổ phần xây dựng B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của từng Hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần.

3. Đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ 50% án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

4. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung: Trường hợp số tiền trả nợ của Công ty Cổ phần xây dựng B không đủ trả hết gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A thông qua chi nhánh Hải Dương có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần xây dựng B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần xây dựng B không nhất trí và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự ; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, Điều 319 Luật Thương mại; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty Cổ phần xây dựng B.

Công ty Cổ phần xây dựng B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi suất tính đến thời điểm hết ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2019 là **65.060.509.584** đồng *(Sáu mươi lăm tỉ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng)*. Trong đó: Tiền gốc còn nợ là **25.827.622.032** đồng *(Hai mươi lăm tỉ, tám trăm hai mươi bẩy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi hai đồng)*; tiền lãi phải trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là **28.582.505.921** đồng *(Hai mươi tám tỉ, năm trăm tám mươi hai triệu, năm trăm linh năm nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng)*; tiền lãi phạt quá hạn tính đến hết ngày ngày xét xử sơ thẩm là **10.650.381.631** đồng *(Mười tỉ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi mốt nghìn, sáu trăm ba mươi mốt đồng)*, theo các Hợp đồng tín dụng từng lần và giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần đã ký.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty Cổ phần xây dựng B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất nợ quá hạn phát sinh trên số tiền dư nợ gốc của từng Hợp đồng tín dụng từng lần chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần kèm theo giấy nhận nợ của các Hợp đồng tín dụng từng lần cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc của từng Hợp đồng tín dụng từng lần này. Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng từng lần kèm theo giấy nhận nợ của các Hợp đồng tín dụng từng lần, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty Cổ phần xây dựng B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về nội dung: *"Trường hợp số tiền trả nợ của Công ty Cổ phần xây dựng B không đủ trả hết gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A thông qua chi nhánh Hải Dương có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần xây dựng B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật"*.

3. Công ty Cổ phần xây dựng B phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần A là chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết các hợp đồng tín dụng với Công ty Cổ phần xây dựng B cũng là chủ thể có đăng ký kinh doanh. Công ty Cổ phần xây dựng B vay tiền đầu tư, kinh doanh sinh lợi nhuận và phải trả lãi suất cho Ngân hàng thương mại cổ phần A nên mục đích của các bên đều nhằm mục đích lợi nhuận. Khi xảy ra tranh chấp được xác định là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng đối với Hợp đồng tín dụng. Công ty Cổ phần xây dựng B có địa chỉ trụ sở tại Tầng 1 VP6 khu đô thị mới TH – NC, phường NC, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội nhưng giữa các bên đã lập biên bản ngày 04/4/2019 có nội dung thống nhất để Ngân hàng tự lựa chọn Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết; mặt khác nơi các Hợp đồng tín dụng từng lần được thực hiện tại trụ sở Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Hải Dương tại số 66 NLB, thành phố Hải Dương nên Ngân hàng thương mại cổ phần A lựa chọn Toà án nhân dân thành phố Hải Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với thỏa thuận của các bên, đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tất cả các hợp đồng tín dụng từng lần, Công ty Cổ phần xây dựng B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nhiều lần đôn đốc Công ty Cổ phần xây dựng B trả nợ. Tại biên bản làm việc ngày 04/4/2019 giữa các bên đã ký xác nhận toàn bộ các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi; ngày 28/6/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần A gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Công ty Cổ phần xây dựng B phải thanh toán trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ theo các Hợp đồng tín dụng từng lần. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện, nên Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện Công ty Cổ phần xây dựng B trong thời hiệu khởi kiện là phù hợp với Điều 319 Luật thương mại.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu Công ty Cổ phần xây dựng B phải trả các khoản tiền gốc, lãi theo các Hợp đồng tín dụng từng lần toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi suất tính đến thời điểm hết ngày xét xử sơ thẩm là **65.060.509.584** đồng *(Sáu mươi lăm tỉ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng)*. Trong đó: Tiền gốc còn nợ là **25.827.622.032** đồng *(Hai mươi lăm tỉ, tám trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi hai đồng)*; tiền lãi phải trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là **28.582.505.921** đồng *(Hai mươi tám tỉ, năm trăm tám mươi hai triệu, năm trăm linh năm nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng)*; tiền lãi phạt quá hạn tính đến hết ngày ngày xét xử sơ thẩm là **10.650.381.631** đồng *(Mười tỉ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi mốt nghìn, sáu trăm ba mươi mốt đồng)*. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các Hợp đồng tín dụng từng lần đã được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty Cổ phần xây dựng B dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của các Hợp đồng này phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Trên thực tế phía ngân hàng đã giải ngân và phía công ty đã nhận nợ số tiền vay theo các giấy nhận nợ kèm theo các Hợp đồng tín dụng từng lần. Tại phiên hòa giải ngày 21/8/2019 giữa các bên đương sự đã thống nhất với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng như số tiền phải trả. Do các bên không thống nhất được với nhau phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nên Tòa án không ban hành được biên bản hòa giải thành. Tại phiên tòa, giữa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên hòa giải về nghĩa vụ trả nợ, số tiền trả nợ, chỉ đề nghị Tòa án điều chỉnh số tiền lãi suất phát sinh từ ngày 21/8/2019 là ngày hòa giải đến hết ngày xét xử sơ thẩm; đồng thời đều đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung: Công ty Cổ phần xây dựng B sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A khoản tiền dư nợ gốc còn lại chưa trả theo các Hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần, cùng tổng số tiền lãi suất quá hạn, lãi suất phạt quá hạn sau khi đã điều chỉnh tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là **65.060.509.584** đồng *(Sáu mươi lăm tỉ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm*

linh chín nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng). Xét nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận nội dung thỏa thuận này để làm căn cứ cho các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ mình theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa các đương sự vẫn thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận nội dung: Công ty Cổ phần xây dựng B đồng ý tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ dư nợ gốc còn lại của các Hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ kèm theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng và các giấy nhận nợ kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Công ty Cổ phần xây dựng B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của từng Hợp đồng tín dụng từng lần và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng từng lần. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty Cổ phần xây dựng B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với nội dung án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về nội dung: *"Trường hợp số tiền trả nợ của Công ty Cổ phần xây dựng B không đủ trả hết gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A thông qua chi nhánh Hải Dương có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần xây dựng B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật"*. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý yêu cầu này, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương trong quá trình làm việc đã nhiều lần giải thích cho nguyên đơn các quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung nguyên đơn yêu cầu nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 7 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án có quyền, nghĩa vụ: *"Tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh, cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án"* và tại đoạn 1 Khoản 5 Điều 44 Luật Thi hành án dân sự quy định về xác minh điều kiện thi hành án: *"Người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự"*. Trong vụ án này, tất cả các Hợp đồng tín dụng từng lần giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với Công ty cổ phần xây dựng 11 đều thực hiện theo hình thức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Khi giải quyết tranh chấp đối với các Hợp đồng tín dụng từng lần này, Tòa án chỉ giải quyết nghĩa vụ của Công ty Cổ phần xây dựng B đối với khoản tiền gốc đã vay cùng lãi suất phát sinh phải

trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thương mại cổ phần A sẽ thực hiện quyền yêu cầu thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền để thu hồi nợ theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Như vậy, việc xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của Công ty Cổ phần xây dựng B sẽ do Ngân hàng thương mại cổ phần A tự thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật để yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành và Tòa án không phải là cơ quan có thẩm quyền quyết định nội dung này nhưng có nghĩa vụ phải giải thích cho người được thi hành án, người phải thi hành án biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A được chấp nhận nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty Cổ phần xây dựng B tự nguyện chịu cả án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự ; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, Điều 319 Luật Thương mại; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty Cổ phần xây dựng B.

1.1. Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Công ty Cổ phần xây dựng B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi suất tính đến thời điểm hết ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2019 là **65.060.509.584** đồng *(Sáu mươi lăm tỉ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng)*. Trong đó: Tiền gốc còn nợ là **25.827.622.032** đồng *(Hai mươi lăm tỉ, tám trăm hai mươi bẩy triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi hai đồng)*; tiền lãi phải trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là **28.582.505.921** đồng *(Hai mươi tám tỉ, năm trăm tám mươi hai triệu, năm trăm linh năm nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng)*; tiền lãi phạt quá hạn tính đến hết ngày ngày xét xử sơ thẩm là **10.650.381.631** đồng *(Mười tỉ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm tám mươi mốt nghìn, sáu trăm ba*

mươi mốt đồng), theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 100120/NHNTHD ngày 01/7/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 01/7/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100127/NHNTHD ngày 07/7/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 07/7/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100129/NHNTHD ngày 12/7/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 12/7/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100137/NHNTHD ngày 15/7/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 15/7/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100139/NHNTHD ngày 21/7/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 21/7/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100149/NHNTHD ngày 27/7/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 27/7/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100156/NHNTHD ngày 30/7/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 30/7/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100169/NHNTHD ngày 12/8/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 12/8/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100173/NHNTHD ngày 18/8/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 18/8/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100191/NHNTHD ngày 26/8/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 26/8/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100209/NHNTHD ngày 09/9/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 09/9/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100222/NHNTHD ngày 17/9/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 17/9/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100225/NHNTHD ngày 23/9/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 23/9/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100242/NHNTHD ngày 18/10/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 19/10/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100250/NHNTHD ngày 22/10/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 22/10/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100259/NHNTHD ngày 29/10/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 29/10/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100272/NHNTHD ngày 10/11/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 10/11/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100307/NHNTHD ngày 16/12/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 16/12/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 100309/NHNTHD ngày 21/12/2010 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 21/12/2010; Hợp đồng tín dụng từng lần số 110007/NHNTHD ngày 12/01/2011 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 12/01/2011; Hợp đồng tín dụng từng lần số 110026/NHNTHD ngày 24/01/2011 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 24/01/2011; Hợp đồng tín dụng từng lần số 110049A/NHNTHD ngày 14/02/2011 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 28/3/2011 và giấy nhận nợ số 02 ngày 06/4/2011; Hợp đồng tín dụng từng lần số 110075/NHNTHD ngày 08/3/2011 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 09/3/2011; Hợp đồng tín dụng từng lần số 110094/NHNTHD ngày 17/3/2011 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 18/3/2011.

1.2. Về thực hiện nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi suất: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty Cổ phần xây dựng B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất nợ quá hạn phát sinh trên số tiền dư nợ gốc của từng Hợp đồng tín dụng từng lần chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần kèm theo giấy nhận nợ của các Hợp đồng tín dụng từng lần cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc của từng Hợp đồng tín dụng từng lần này. Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng từng lần kèm

theo giấy nhận nợ của các Hợp đồng tín dụng từng lần, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty Cổ phần xây dựng B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

2. Xử: Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về nội dung: *"Trường hợp số tiền trả nợ của Công ty Cổ phần xây dựng B không đủ trả hết gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A thông qua chi nhánh Hải Dương có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần xây dựng B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật"*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần xây dựng B tự nguyện chịu 86.530.000 đồng *(Tám mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng)* - *(đã làm tròn)* tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.150.000 đồng *(Năm mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)* do ông Nguyễn Trọng T nộp thay, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương phát hành ngày 08/7/2019.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/9/2019.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền